

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày 26 – 3 – 2024
V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Hoàng Bé**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà **Trần Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp nợ hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Minh T**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Bà **Phạm Ngọc Th**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Dương Hồng Ch**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th trình bày:

Vào ngày 01/12/2018 âm lịch, ông T và bà Th có mở dây hui 1.000.000 đồng, gọi là hùn vốn làm ăn, ông Ch có tham gia 02 chung, hui gồm có 27 thành viên và có 38 chung hui.

Vào ngày 01/3/2019 âm lịch, ông Ch bỏ 450.000 đồng thì ông Ch hót 01 chung, trong đó (33 chung hui sống, 03 chung hui chết) tổng số tiền ông Ch hót được là 20.650.000 đồng, ông T và bà Th đã chung đủ số tiền trên cho ông Ch.

Đến ngày 01/8/2019, ông Ch tiếp tục bỏ hui 420.000 đồng, ông Ch hốt được (27 chung hui sống, 09 chung hui chết) tổng số tiền 24.660.000 đồng, ông T và bà Th đã chung đủ tiền hui cho ông Ch. Tổng số tiền hui ông Ch còn nợ ông T và bà Th là 67.000.000 đồng. Sau đó, ông Ch đã trả được cho ông T và bà Th số tiền là 4.000.000 đồng.

Nay ông T và bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ch trả cho ông số tiền hui còn nợ là 63.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn là ông Dương Hồng Ch đã được Toà án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Toà án văn bản ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án có xuống trực tiếp nhà của ông Ch để ghi nhận ý kiến nhưng ông Ch không có mặt tại địa phương, do vậy không ghi nhận được ý kiến của ông Ch.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông T và bà Th trình bày: Ông bà yêu cầu ông Ch trả số tiền hui còn nợ là 63.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Ông bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Ch về số tiền hui 1.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Th đối với ông Ch. Buộc ông Ch thanh toán số tiền hui là 63.000.000 đồng, ông T và bà Th không yêu cầu lãi suất nên không xem xét.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Th về việc yêu cầu ông Ch thanh toán số tiền hui là 1.000.000 đồng.

+ Về án phí: Đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th với bị đơn ông Dương Hồng Ch là “*Tranh chấp nợ hui*” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Dương Hồng Ch có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Hồng Ch đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th về việc yêu cầu ông Dương Hồng Ch trả số tiền nợ hui là 63.000.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án, ông T và bà Th xác định có mở dây hui 1.000.000 đồng/tháng, mở vào ngày 01/12/2018 âm lịch, có 38 chân, ông Ch tham gia 02 chung. Sau khi khai hui được 04 lần (ngày 01/3/2019 âm lịch) thì ông Ch bỏ 450.000 đồng hót được 20.650.000 đồng. Tiếp đến lần khai hui thứ 09 (ngày 01/8/2019), ông Ch bỏ 420.000 đồng, hót được 24.160.000 đồng. Tất cả các lần ông Ch hót hui thì ông T và bà Th đều chung đủ cho ông Ch. Sau khi hót hui thì ông Ch có đóng hui chết được cho ông T và bà Th 02 tháng (tháng 9 và tháng 10/2019). Từ tháng 11/2019 cho đến nay ông Ch không đóng hui cho ông T và bà Th. Nay ông T và bà Th yêu cầu ông Ch thanh toán số tiền hui 63.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Đối với ông Ch, kể từ khi thụ lý vụ án ông Ch đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ và thông báo về các phiên hòa giải, triệu tập đến để xét xử, nhưng ông Ch vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Th. Điều này, cho thấy ông Ch không đưa các chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải tự chịu hậu quả pháp lý cho việc không đưa ra chứng cứ chứng minh và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại “giấy giao kèo” (Hùng vốn gọi là hui) ngày 01/12/2018 âm lịch có xác nhận của Trưởng ấp T, xã H thì có tên “Ch 2 chung”. Đồng thời, theo ông Trần Văn K, bà Phạm Ngọc B, bà Hồ Thị Đ, bà Hồ Hồng Nh và ông Trần Văn C là những người cùng tham gia chơi hui với ông Ch xác định ông Ch có tham gia 02 chung hui trong dây hui ngày 01/12/2018 âm lịch do ông T và bà Th làm chủ hui nhưng sau khi hót hui thì không đóng hui chết cho ông T và bà Th. Hơn nữa, tại biên bản làm việc ngày 26/01/2024 với ông Nguyễn Văn Tr – Trưởng ấp T, xã H thì ông Tr trình bày “*Đối với giấy giao kèo hui của ông T, bà Th mở ngày 01/12/2018 âm lịch gồm có 27 thành viên, có 38 chung hui. Đối với dây hui này thì ông Dương Hồng Ch có tham gia hai chung. Giấy giao kèo hui thì có ông xác nhận để làm cơ sở cho các hui viên về sau. Các chung hui của ông Ch đã hót và đã bỏ đi làm, không có đóng hui chết lại cho ông T, bà Th*”. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa ông T và bà Th với ông Ch có xảy ra giao dịch hui, trên cơ sở giấy giao kèo (hùng vốn gọi là hui) và sự xác nhận của những người cùng tham gia chơi hui với ông Ch, có căn cứ xác định ông Ch còn nợ ông T và bà Th số tiền hui là 63.000.000 đồng.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên phường thì: “*c) Tiếp tục góp các phần hộ (hui) để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh hộ (hui) trong trường hợp đã lĩnh hộ (hui) trước thành viên khác;*”. Do đó, Hội đồng

xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T và bà Th đối với ông Ch về tiền hui, buộc ông Ch thanh toán cho ông T và bà Th số tiền nợ hui 63.000.000 đồng.

[3.2] Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2023, ông T và bà Th yêu cầu ông Ch thanh toán số tiền hui là 64.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông T và bà Th yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Ch về số tiền hui là 1.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T và bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Ch là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Th đối với ông Ch về số tiền hui là 1.000.000 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2023 và tại phiên tòa, ông T và bà Th không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui 63.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Ch phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của ông T và bà Th được chấp nhận là 63.000.000 đồng với số tiền án phí 3.150.000 (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông T và bà Th không phải chịu án phí. Ông T và bà Th đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009639 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 218; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357; 471; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th đối với ông Dương Hồng Ch.

Buộc ông Dương Hồng Ch thanh toán cho ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th số tiền hui là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th đối với ông Dương Hồng Ch về số tiền hui là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Dương Hồng Ch phải chịu án phí số tiền là 3.150.000 (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C khi Bản án có hiệu lực.

Ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th không phải chịu án phí. Ông Phạm Minh T và bà Phạm Ngọc Th đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009639 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm